

KẾ HOẠCH

Thực hiện 3 công khai năm học 2023 - 2024

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân, Hiệu trưởng Trường THPT Tạ Quang Bửu lập Kế hoạch thực hiện 3 công khai năm học 2023 - 2024 như sau:

I- Mục tiêu thực hiện công khai

- Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

II. Nội dung thực hiện

1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

a) Cam kết chất lượng giáo dục:

Điều kiện về đối tượng tuyển sinh của nhà trường, chương trình giáo dục mà nhà trường tuân thủ, yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý của nhà trường; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (Theo Biểu mẫu 05).

b) Chất lượng giáo dục thực tế:

Số học sinh xếp loại theo hạnh kiểm, học lực, tổng hợp kết quả cuối năm; tình hình sức khỏe của học sinh; số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi, số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp, số học sinh được công nhận tốt nghiệp, số học sinh thi đỗ vào lớp 10 THPT (theo Biểu mẫu 09).

2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng nhà trường

a) Cơ sở vật chất:

Số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh nội trú, bán trú, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp

b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

- Số lượng, chức danh có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo

- Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

3. Công khai thu chi tài chính

Thực hiện công khai các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính.

Công khai học phí và các khoản thu khác từ người học: mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học và dự kiến cho 2 năm học tiếp theo.

Công khai các khoản chi theo từng năm học: các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/l học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

Công khai kết quả kiểm toán (nếu có)

Công khai chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

III. Hình thức và thời điểm công khai

1. Hình thức:

- Công khai đến toàn thể đội ngũ thông qua Tổ bộ môn
- Niêm yết công khai tại bảng tin của nhà trường.
- Công khai trên trang Web của nhà trường.

2- Thời điểm công khai:

Công khai vào tháng 8/2023, cập nhật dịp đầu năm học, trước hội nghị CBCCVC và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

IV. Tổ chức thực hiện và chế độ báo cáo

- Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm tra việc thực hiện công khai của nhà trường của các cấp.

- Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và bằng các hình thức sau đây:

+ Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.

+ Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem xét.

Trên đây là kế hoạch Thực hiện công khai về chất lượng giáo dục thực tế, điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và thu chi tài chính năm học 2023 - 2024 của trường THPT Tạ Quang Bửu./.

Nơi nhận:

- Công khai trên trang Web của nhà trường

Hiệu trưởng

Trần Thị Bích

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT TẠ QUANG BỬU

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	Thi tuyển	Học xong lớp 10	Học xong lớp 11
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Chương trình khung của Bộ GD-ĐT, chương trình học văn hóa buổi 2, chương trình học ngoại khóa buổi 2 của nhà trường	Chương trình khung của Bộ GD-ĐT, chương trình học văn hóa buổi 2, chương trình học ngoại khóa buổi 2 của nhà trường	Chương trình khung của Bộ GD-ĐT, chương trình học văn hóa buổi 2, chương trình học ngoại khóa buổi 2 của nhà trường
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Chặt chẽ, thiện chí, thông qua Sổ Liên lạc, Sổ Chủ nhiệm, gặp trực tiếp.	Chặt chẽ, thiện chí, thông qua Sổ Liên lạc, Sổ Chủ nhiệm, gặp trực tiếp.	Chặt chẽ, thiện chí, thông qua Sổ Liên lạc, Sổ Chủ nhiệm, gặp trực tiếp.
		Nghiêm túc , tích cực, chủ động, tự giác, trung thực	Nghiêm túc , tích cực, chủ động, tự giác, trung thực	Nghiêm túc , tích cực, chủ động, tự giác, trung thực
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	-Hoạt động Đoàn; -Hoạt động ngoại khóa, hướng nghiệp; -Hoạt động của các CLB -Hoạt động của hội Cha Mẹ học sinh	-Hoạt động Đoàn; -Hoạt động ngoại khóa, hướng nghiệp; -Hoạt động của các CLB -Hoạt động của hội Cha Mẹ học sinh	-Hoạt động Đoàn; -Hoạt động ngoại khóa, hướng nghiệp; -Hoạt động của các CLB -Hoạt động của hội Cha Mẹ học sinh
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- <u>Đức dục</u> : Được thường xuyên theo dõi, thương yêu, uốn nắn về đạo đức. - <u>Trí dục</u> : Được học tăng cường về văn hóa, và một	- <u>Đức dục</u> : Được thường xuyên theo dõi, thương yêu, uốn nắn về đạo đức. - <u>Trí dục</u> : Được học tăng cường về văn hóa, và một	- <u>Đức dục</u> : Được thường xuyên theo dõi, thương yêu, uốn nắn về đạo đức. - <u>Trí dục</u> : Được học tăng cường về văn hóa, được ôn

		môn năng khiếu tự chọn; - <u>Thể dục:</u> Được theo dõi, rèn luyện về thể chất theo chương trình của BGD và được tự chọn học một môn TD theo sở thích.	môn năng khiếu tự chọn; - <u>Thể dục:</u> Được theo dõi, rèn luyện về thể chất theo chương trình của BGD và được tự chọn học một môn TD theo sở thích.	tập theo định hướng đổi mới thi TNPT của BGD; - <u>Thể dục:</u> Được theo dõi, rèn luyện về thể chất theo chương trình của BGD
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Lên lớp; - Đủ khả năng tiếp tục học ở các trường khác (trong và ngoài nước)	- Lên lớp; - Đủ khả năng tiếp tục học ở các trường khác (trong và ngoài nước)	- Thi đậu tốt nghiệp THPT Quốc gia; - Đủ khả năng tiếp tục học ở bậc học cao hơn

HIỆU TRƯỞNG

TRẦN THỊ BÍCH

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT TẠ QUANG BỬU

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2022 - 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm					
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1579/1729	557/603	528/598	494/528	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	180/1729	41/603	63/598	25/528	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	12/1729	2/603	4/598	6/528	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	9/1729	3/603	3/598	3/528	
II	Số học sinh chia theo học lực					
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	555/1729	183/603	152/598	220/528	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	850/1729	316/603	272/598	270/528	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	276/1729	99/603	139/598	38/528	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	37/1729	5/603	32/598	0/528	
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	3/1729	0/603	3/598	0/528	
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	728/1729	603/603	594/598	528/528	
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	374/1729	94/603	177/598	163/528	
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	805/1729	207/603	217/598	381/528	
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	77/1729	3/603	43/598		
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	24/1729	0/603	3/598		
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)					
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0/1729	0	0	0	
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)	0/1729	0	0	0	

	(tỷ lệ so với tổng số)					
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện					
2	Cấp tỉnh/thành phố				14	
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	626			626	
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	528			528	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)					
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	792/941	288/316	267/334	237/291	
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	19	7	6	6	



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT TẠ QUANG BỬU

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	42	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	40	
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm	2	
4	Phòng học nhờ		
5	Số phòng học bộ môn	7	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)		
7	Bình quân lớp/phòng học	1	
8	Bình quân học sinh/lớp	45	
III	Số điểm trường		
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	24.080	15.64
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	10.000	6.50
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	56	1.4
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	126	3.15
3	Diện tích thư viện (m ²)	189	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	360	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	56	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 10	4	
1.2	Khối lớp 11	4	
1.3	Khối lớp 12	4	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp...		
2.2	Khối lớp...		
2.3	Khối lớp...		

3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	90	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	30	
2	Cát xét	10	
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể		
5	Thiết bị khác...		
6			

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	20	
2	Cát xét	10	
3	Đầu Video/đầu đĩa	20	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	
5	Thiết bị khác...	6	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	12
XI	Nhà ăn	48

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	2 phòng (40m ² /phòng)		
XIII	Khu nội trú			

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		12		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		X
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	



SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT TẠ QUANG BỬU

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học **2023 - 2024**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên													
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	85		28	57				85	8				
1	Toán	13		7	6				11	3				
2	Lý	9		6	3				9					
3	Hóa	10		2	8				10					
4	Tin	5			5				5					
5	Sinh	5			5				5					
6	Anh	10		1	9				10					
7	Văn	12		6	6				11	2				
8	Sử	4		2	2				3	1				
9	GDCD	3			3				3					
10	Địa	4			4				4					
11	Công nghệ	3		1	2				3					
12	Thể Dục+GDQP	6		2	4				5	1				
13	Tâm Lý	1			1				1					
II	Cán bộ quản lý	3		2	1				2	1				
1	Hiệu trưởng	1		1						1				
2	Phó hiệu trưởng	2		2					2					
III	Nhân viên	19			3	3	3	10						
1	Nhân viên văn thư	1					1							

2	Nhân viên kế toán	1			1									
3	Thủ quỹ	1				1								
4	Nhân viên y tế	1					1							
5	Nhân viên thư viện	1					1							
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm													
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật													
8	Nhân viên công nghệ thông tin	1				1								
9	Nhân viên khác	13			2	1		10						

